

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026
của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- THỰC TRẠNG

Trong thời gian qua, kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang luôn giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt chức năng định hướng, dẫn dắt và điều tiết các hoạt động kinh tế; góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô địa phương, bảo đảm các cân đối lớn, nhất là trong đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển nông nghiệp, thủy sản, an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Qua đó, từng bước nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo nền tảng cho phát triển bền vững của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang vẫn còn không ít hạn chế, bất cập. Hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước chậm được hoàn thiện, một số nội dung chưa theo kịp yêu cầu phát triển và thực tiễn quản lý. Công tác quản lý, khai thác và sử dụng một số nguồn lực, tài sản nhà nước còn chưa hiệu quả, chưa gắn chặt với yêu cầu hạch toán đầy đủ theo cơ chế thị trường; tình trạng lãng phí, thất thoát vẫn còn xảy ra, vai trò chủ đạo, chi phối của kinh tế nhà nước trong một số lĩnh vực chưa được thể hiện rõ. Hoạt động của doanh nghiệp nhà nước - lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước - hiệu quả chưa tương xứng với nguồn lực được giao; năng lực cạnh tranh, nhất là trong hội nhập, còn hạn chế; vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo, dẫn dắt các ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu chưa rõ nét. Hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập còn công kênh; cơ chế hoạt động, tự chủ tài chính chậm đổi mới; lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ chưa kịp thời, chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu. Một số tồn tại, vướng mắc kéo dài chậm được xử lý dứt điểm, gây lãng phí nguồn lực.

Những hạn chế, bất cập nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có thể nhận diện một số nguyên nhân chủ yếu sau: Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị về vị trí, vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có nơi, có lúc chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ; việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương

vào điều kiện thực tiễn của tỉnh còn chậm. Cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng nguồn lực nhà nước chậm được hoàn thiện; công tác quản lý, giám sát chưa chặt chẽ; phân cấp, phân quyền chưa gắn với kiểm tra, kiểm soát hiệu quả. Năng lực quản trị, điều hành của một bộ phận doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế; đổi mới mô hình quản trị, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các tồn tại, vướng mắc có nơi còn thiếu kịp thời, chưa kiên quyết, dẫn đến kéo dài, gây lãng phí nguồn lực.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, bảo đảm giữ vị trí tiên phong, dẫn dắt và định hướng chiến lược trong các ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế nhà nước phát huy vai trò điều tiết, dẫn dắt và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Thông qua phát triển kinh tế nhà nước, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Về đất đai, tài nguyên*: Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng*: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên mới; tập trung hoàn thành các dự án hạ tầng quy mô lớn, kết nối liên vùng, liên tỉnh và khu vực.

- *Về ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*: Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 trên 7,08% GRDP (tương ứng 162.080 tỷ đồng/2.289.128 tỷ đồng); bội chi ngân sách khoảng 850 tỷ đồng; tỉ trọng chi đầu tư phát triển khoảng 33,63% tổng chi ngân sách, tỉ trọng chi thường xuyên khoảng 64,57% tổng chi ngân sách. Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- *Về doanh nghiệp nhà nước*: Phân đấu hoàn thành xây dựng một số doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt các doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh tham gia sâu vào một số chuỗi sản xuất và cung ứng trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của tỉnh; 100% doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước*: Góp phần triển khai hiệu quả định hướng của Trung ương về phát triển ngân hàng thương mại nhà nước theo hướng hiện đại, an

toàn, nâng cao năng lực tài chính, công nghệ và quản trị, phát huy vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- *Về đơn vị sự nghiệp công lập*: Tiếp tục xã hội hóa mạnh mẽ cung cấp các dịch vụ công; tiếp tục tinh gọn đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu tại địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế nhà nước của tỉnh An Giang trở thành nền tảng quan trọng, vững chắc trong bảo đảm tự chủ, tự cường của kinh tế địa phương; giữ vai trò dẫn dắt, điều tiết và nâng cao sức cạnh tranh tổng thể của nền kinh tế tỉnh, tập trung vào các lĩnh vực then chốt, thiết yếu và có ý nghĩa chiến lược. Hoạt động kinh tế nhà nước được quản trị theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả; giữ vai trò nòng cốt trong cung ứng dịch vụ công cơ bản, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân; đồng thời cùng với các thành phần kinh tế khác phát huy hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần cùng cả nước hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

- Hoàn thiện và tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, khả thi; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, nhất là trong quản lý tài chính công, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, đất đai và tài sản công. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế; phân định rõ chức năng đại diện chủ sở hữu, quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chính trị, công ích với hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh công bằng, minh bạch; khuyến khích hợp tác công tư trong quản lý, khai thác tài nguyên, phát triển kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình, giảm can thiệp hành chính, chi phí tuân thủ; áp dụng quản lý rủi ro, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực kinh tế nhà nước, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ theo hướng cạnh

tranh, minh bạch, bảo đảm thu nhập phù hợp với thị trường lao động; có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

- Xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; thực hiện xem xét, đánh giá khách quan, minh bạch để phân định rõ sai sót khách quan với vi phạm pháp luật, khuyến khích đổi mới, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế nhà nước theo hướng chuẩn hóa, tập trung, liên thông và an toàn; tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu để giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản và nguồn lực nhà nước, làm cơ sở hoạch định chính sách và điều tiết nguồn lực của tỉnh.

- Thực hiện phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo kế hoạch hằng năm, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp; tăng cường giám sát việc thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm toán. Chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, công trình chậm tiến độ, kéo dài, xử lý dứt điểm các tồn tại, sai phạm, qua đó khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần ổn định kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên trên địa bàn tỉnh; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Tập trung khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, đô thị và hạ tầng kinh tế - xã hội; quản lý, sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa thất thoát, lãng phí, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh An Giang.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về đất đai, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng đất đai; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng hiện đại, tổng hợp; điều tiết, phân bổ và sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hợp lý, công bằng giữa các ngành, lĩnh vực, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và an ninh năng lượng. Thực hiện các cơ chế kinh tế, tài chính phù hợp trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thúc đẩy hạch toán, định giá và chia sẻ lợi ích từ nước, khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao giá trị tài nguyên nước và bảo đảm phát triển bền vững.

- Rà soát, điều tra, thống kê đầy đủ các nguồn khoáng sản để quản lý, khai thác hiệu quả; tổ chức khai thác phù hợp quy hoạch, nhu cầu phát triển và yêu cầu bảo vệ môi trường, nhất là kiểm soát chặt chẽ khai thác cát, sỏi lòng sông. Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến theo hướng tiết kiệm tài nguyên, nâng cao giá trị gia tăng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, thất thoát tài nguyên trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên sông, mặt nước nội địa và các nguồn năng lượng tái tạo; xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ quy hoạch, sử dụng hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản bền vững, đầu tư hạ tầng phục vụ logistics nông nghiệp - thủy sản, qua đó phát huy vai trò của kinh tế nhà nước trong quản lý, khai thác các nguồn tài nguyên chiến lược của tỉnh An Giang.

- Hoàn thiện phương thức quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm theo hướng đồng bộ, hiện đại; lồng ghép chặt chẽ với quy hoạch phát triển đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số không gian ngầm; khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công tư và ứng dụng khoa học - công nghệ trong đầu tư, khai thác công trình ngầm, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển đô thị bền vững của tỉnh.

- Xây dựng và hoàn thiện khung quản lý đối với tài nguyên số, hạ tầng viễn thông và dữ liệu theo hướng đồng bộ, hiệu quả; thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo thông qua các hình thức hợp tác phù hợp. Chủ động bảo đảm an ninh, an toàn không gian mạng; khai thác và phát huy dữ liệu, tài nguyên số như một nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối nội tỉnh và liên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, kết nối với các cửa khẩu, khu kinh tế biên giới; phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị, hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi, logistics và hạ tầng số. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành kết cấu hạ tầng sau đầu tư; tăng cường giám sát, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của Trung ương về quản lý, khai thác và sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, nhất là hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch; hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế. Chủ động rà soát, hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện, tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư, quản lý, khai thác theo đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh An Giang do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước địa phương

- Đổi mới công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước theo hướng chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới; gắn chặt với cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Xác định rõ vai trò của ngân sách nhà nước trong dẫn dắt, hỗ trợ và kích hoạt các nguồn lực xã hội; bảo đảm phân công, phối hợp hài hòa giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong huy động, phân bổ, sử dụng ngân sách tiết kiệm, đúng trọng tâm, trọng điểm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh An Giang.

- Tăng cường rà soát, tham mưu triển khai phù hợp các chính sách thuế mới theo quy định; mở rộng diện thu, bảo đảm nguồn thu ngân sách ổn định, bền vững, minh bạch. Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý thu, đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân thủ; đồng thời chú trọng nuôi dưỡng, khai thác hiệu quả các nguồn thu, tạo dư địa tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách theo quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời tăng tính chủ động, tự chủ và trách nhiệm của ngân sách địa phương; giao nhiệm vụ chi cho cấp ngân sách thực hiện hiệu quả nhất.

- Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các dự án hạ tầng thiết yếu, kết nối nội tỉnh và liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh An Giang. Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả sử dụng, giải ngân vốn đầu tư công.

- Hạn chế quy định cứng các mức chi ngân sách cho từng ngành, lĩnh vực (ngoại trừ những nội dung có quy định riêng của Trung ương), qua đó tạo dư địa linh hoạt trong điều hành, phân bổ nguồn lực ngân sách, bảo đảm sử dụng hiệu quả và đáp ứng kịp thời các ưu tiên phát triển theo từng thời kỳ của tỉnh.

- Mở rộng, đa dạng hóa kênh huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định; bảo đảm quản lý vay nợ chặt chẽ, chỉ vay cho đầu tư phát triển và trong giới hạn khả năng trả nợ. Tăng cường quản lý, theo dõi nợ công gắn với công khai, minh bạch thông tin; xây dựng và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ trung hạn, kiểm soát rủi ro tài khóa, bố trí nguồn trả nợ đầy đủ, đúng hạn, phục vụ điều hành ngân sách an toàn, hiệu quả của tỉnh.

b) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của Trung ương về quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch và phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Tổ chức rà soát, cơ cấu lại hệ thống các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo hướng thu gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả; kiên quyết sáp nhập, giải thể các quỹ hoạt động trùng lặp, kém hiệu quả hoặc không còn phù hợp. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh số hóa và công khai thông tin hoạt động; từng bước thực hiện ủy thác quản lý quỹ cho các tổ chức tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng huy động nguồn lực xã hội, giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

- Kiên quyết không xem xét thành lập mới các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, cấp bách theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

c) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

- Tổ chức chuyển giao phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh, đầu tư vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý tập trung theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông qua tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn phù hợp; bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang

a) Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các doanh nghiệp nhà nước có năng lực, quy mô lớn, giữ vai trò nòng cốt trong các ngành, lĩnh vực quan trọng phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của tỉnh An Giang.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhà nước có quy mô tương đối lớn trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao doanh nghiệp nhà nước theo ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp với quy mô, điều kiện và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang.

- Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (vốn, quản trị, đầu tư, nhân sự cấp cao...), để doanh nghiệp nhà nước tham gia những lĩnh vực trọng yếu dẫn dắt doanh nghiệp tư nhân.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước tăng cường đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị và doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm hình thành các nhóm doanh nghiệp tiên phong, có vai trò dẫn dắt; phát huy lợi thế tổng hợp, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, hạn chế chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm hài hòa lợi ích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước trong dẫn dắt, huy động nguồn lực xã hội, tạo hiệu ứng lan tỏa trong phát triển kinh tế.

b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước tiên phong trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; từng bước nâng cao năng lực công nghệ, sức cạnh tranh bền vững; đồng thời phối hợp, hỗ trợ triển khai chuyển đổi số và đầu tư vào các hoạt động giảm phát thải, phát triển kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng các kết quả nghiên cứu, phát triển của doanh nghiệp nhà nước vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh; đồng thời khuyến khích chuyển giao, lan tỏa công nghệ phù hợp để hỗ trợ các doanh nghiệp khác cùng phát triển. Tinh nghiên cứu áp dụng cơ chế đặt hàng đối với các sản phẩm, giải pháp công nghệ do doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, chế tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và tiếp tục hoàn thiện sản phẩm.

- Cho phép doanh nghiệp nhà nước chủ động sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đặt hàng, triển khai nghiên cứu theo cơ chế khoán sản phẩm; khuyến khích tham gia hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm và các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, mua bán - sáp nhập gắn với đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp

- Rà soát, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp nhà nước theo hướng xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng vị trí quản lý; tăng cường giám sát, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước và đội ngũ quản lý, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện và đẩy mạnh phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích; kiên quyết xem xét thay thế, miễn nhiệm các cá nhân thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế, để xảy ra thất thoát, lãng phí, ảnh hưởng đến hiệu quả và sự phát triển của doanh nghiệp.

- Thực hiện cơ chế tiền lương, thưởng phù hợp để thu hút, giữ chân nhân lực chất lượng cho doanh nghiệp nhà nước; cho phép doanh nghiệp cổ phần áp dụng cơ chế cổ phiếu thưởng bảo đảm công khai, minh bạch; nghiên cứu thí điểm cơ chế đặc thù trong tuyển dụng, thuê và bổ nhiệm người quản lý tại một số doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, hoàn thiện phương thức đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo hướng toàn diện, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ được giao và việc sử dụng các nguồn lực nhà nước; áp dụng hệ thống chỉ tiêu tài chính và phi tài chính phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch. Thực hiện hạch toán riêng giữa hoạt

động sản xuất, kinh doanh với các nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận.

- Tập trung rà soát, xử lý kịp thời các dự án đầu tư kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài; xác định và xử lý rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; kiên quyết thực hiện tái cơ cấu hoặc phá sản theo pháp luật, không để kéo dài gây lãng phí, thất thoát vốn và tài sản nhà nước.

- Rà soát, điều chỉnh mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu và mô hình Hội đồng thành viên theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn từng giai đoạn.

d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước

- Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng tinh gọn, nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động, phát huy tốt vai trò trong giai đoạn mới; tạo điều kiện để các doanh nghiệp có năng lực mở rộng hợp tác, từng bước tham gia thị trường ngoài tỉnh và nước ngoài ở các lĩnh vực có lợi thế. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến và đổi ngoại kinh tế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng, tăng cường hợp tác chuyên giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, huy động thêm nguồn lực từ các thành phần kinh tế để cải thiện quản trị, công nghệ và năng lực tài chính; đồng thời bảo đảm giữ vững quyền kiểm soát của Nhà nước đối với các lĩnh vực quan trọng, không làm thất thoát vốn, tài sản nhà nước và giữ gìn, phát huy giá trị các thương hiệu uy tín.

- Đối với các doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ quyền chi phối, thực hiện sắp xếp theo lộ trình phù hợp; trong đó, ưu tiên phương án hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, nâng cao quy mô và hiệu quả, hoặc chuyển giao về đơn vị có chức năng đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước để rà soát, đánh giá, phân loại và cơ cấu lại vốn. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ pháp luật, tập trung vào những lĩnh vực Nhà nước cần tham gia và tiếp tục đầu tư, phát huy hiệu quả các thương hiệu uy tín.

2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

Hỗ trợ nâng cao chất lượng quản trị, quản lý rủi ro và minh bạch thông tin tại các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ, phát triển dịch vụ ngân hàng số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp địa phương tiếp cận vốn và dịch vụ tài chính.

2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh An Giang

- Thực hiện rà soát, cơ cấu lại các dịch vụ sự nghiệp công và mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh giản đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động. Bố trí đầy đủ nguồn lực cho các dịch vụ công

thiết yếu, giữ vững chất lượng phục vụ người dân; khuyến khích chuyển giao các dịch vụ có khả năng xã hội hoá sang cơ chế thị trường phù hợp.

- Nghiên cứu tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn theo hướng sử dụng ngân sách hiệu quả, chuyển dần từ hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sang hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng; từng bước thực hiện tính đủ chi phí đối với dịch vụ công thiết yếu gắn với kiểm soát phù hợp. Đơn giản hoá thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo lộ trình phù hợp khả năng chi trả của người dân và điều kiện cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Tạo điều kiện để khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh hợp tác công tư trong các lĩnh vực có khả năng xã hội hoá, tập trung phối hợp về nguồn nhân lực, thương hiệu và ứng dụng công nghệ, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Rà soát, ban hành cơ chế, chính sách để tổ chức lại một số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ.

- Nghiên cứu, đề xuất mở rộng quyền tự chủ về tổ chức, nhân sự, tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, gắn với kết quả hoạt động theo hướng tiếp cận mô hình doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, ưu tiên đầu tư, phát triển một số đơn vị sự nghiệp công lập có năng lực, lợi thế trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phù hợp.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả, minh bạch hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; đổi mới quản trị, điều hành theo hướng hiện đại, gắn trách nhiệm với người đứng đầu. Nghiên cứu, đề xuất thí điểm thuê giám đốc điều hành, bố trí bộ phận tư vấn tại một số đơn vị quy mô lớn; không tổ chức Hội đồng quản lý, bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng theo quy định.

- Tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập chất lượng dịch vụ sự nghiệp công và công khai kết quả theo tiêu chuẩn, tiêu chí do cơ quan quản lý chuyên ngành ban hành; thực hiện xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia đánh giá chất lượng, hiệu quả và mức độ hài lòng đối với dịch vụ sự nghiệp công.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình hành động này bằng văn bản cụ thể với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện.

2. Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế địa phương về phát triển kinh tế nhà nước; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng văn bản cụ thể hóa Chương trình hành động này; rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách để tạo thuận lợi, thúc đẩy đột phá phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 79-NQ/TW và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

5. Đảng ủy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, người dân hiểu và tích cực hưởng ứng các chương trình, kế hoạch, đề án, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước của tỉnh.

6. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) theo quy định.

Chương trình hành động này được phổ biến đến chi bộ và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; thay thế các chương trình có liên quan đã ban hành trước đây.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, quyết định. *CT*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c),
- Các đ/c ban Đảng TW phụ trách địa bàn,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Đảng ủy VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thanh Nhàn

PHỤ LỤC

nhiệm vụ cụ thể và lộ trình triển khai thực hiện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Ban hành kèm theo Chương trình số 22-CTr/TU, ngày 30/3/2026 của Tỉnh ủy)

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Nhiệm vụ, giải pháp chung		
-	Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Hằng năm
-	Hoàn thiện và tổ chức thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, khả thi; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, nhất là trong quản lý tài chính công, đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, đất đai và tài sản công. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế; phân định rõ chức năng đại diện chủ sở hữu, quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ chính trị, công ích với hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh công bằng, minh bạch; khuyến khích hợp tác công tư trong quản lý, khai thác tài nguyên, phát triển kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước gắn với trách nhiệm giải trình, giảm can thiệp hành chính, chi phí tuân thủ; áp dụng quản lý rủi ro, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.	Đảng ủy UBND tỉnh	2026 - 2030
-	Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực kinh tế nhà nước, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ theo hướng cạnh tranh, minh bạch, bảo đảm thu nhập phù hợp với thị trường lao động; có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.		2026 - 2030
-	Xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; thực hiện xem xét, đánh giá khách quan, minh bạch để phân định rõ sai sót khách quan với vi phạm pháp luật, khuyến khích đổi mới, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế nhà nước theo hướng chuẩn hóa, tập trung, liên thông và an toàn; tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu để giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản và nguồn lực nhà nước, làm cơ sở hoạch định chính sách và điều tiết nguồn lực của tỉnh.		2026 - 2030
-	Thực hiện phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo kế hoạch hằng năm, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp; tăng cường giám sát việc thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm toán. Chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, công trình chậm tiến độ, kéo dài, xử lý dứt điểm các tồn tại, sai phạm, qua đó khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần ổn định kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.		2026 - 2030
2	Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Đảng ủy UBND tỉnh	
2.1	Đối với đất đai và tài nguyên		
-	Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên trên địa bàn tỉnh; thực hiện phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Tập trung khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, đô thị và hạ tầng kinh tế – xã hội; quản lý, sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng ngừa thất thoát, lãng phí, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh An Giang.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về đất đai, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng đất đai; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.		2026 - 2030
-	Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng hiện đại, tổng hợp; điều tiết, phân bổ và sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hợp lý, công bằng giữa các ngành, lĩnh vực, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và an ninh năng lượng. Thực hiện các cơ chế kinh tế, tài chính phù hợp trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thúc đẩy hạch toán, định giá và chia sẻ lợi ích từ nước, khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao giá trị tài nguyên nước và bảo đảm phát triển bền vững.		2026 - 2030
-	Rà soát, điều tra, thống kê đầy đủ các nguồn khoáng sản để quản lý, khai thác hiệu quả; tổ chức khai thác phù hợp quy hoạch, nhu cầu phát triển và yêu cầu bảo vệ môi trường, nhất là kiểm soát chặt chẽ khai thác cát, sỏi lòng sông. Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến theo hướng tiết kiệm tài nguyên, nâng cao giá trị gia tăng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, thất thoát tài nguyên trên địa bàn tỉnh An Giang.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên sông, mặt nước nội địa và các nguồn năng lượng tái tạo; xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ quy hoạch, sử dụng hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản bền vững, đầu tư hạ tầng phục vụ logistics nông nghiệp – thủy sản, qua đó phát huy vai trò của kinh tế nhà nước trong quản lý, khai thác các nguồn tài nguyên chiến lược của tỉnh An Giang.		2026 - 2030
-	Hoàn thiện phương thức quản lý, khai thác, sử dụng không gian ngầm theo hướng đồng bộ, hiện đại; lồng ghép chặt chẽ với quy hoạch phát triển đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số không gian ngầm; khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công tư và ứng dụng khoa học – công nghệ trong đầu tư, khai thác công trình ngầm, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển đô thị bền vững của tỉnh.		2026 - 2030
-	Xây dựng và hoàn thiện khung quản lý đối với tài nguyên số, hạ tầng viễn thông và dữ liệu theo hướng đồng bộ, hiệu quả; thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo thông qua các hình thức hợp tác phù hợp. Chủ động bảo đảm an ninh, an toàn không gian mạng; khai thác và phát huy dữ liệu, tài nguyên số như một nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
2.2	Đối với tài sản kết cấu hạ tầng		
-	Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối nội tỉnh và liên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, kết nối với các cửa khẩu, khu kinh tế biên giới; phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị, hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi, logistics và hạ tầng số. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành kết cấu hạ tầng sau đầu tư; tăng cường giám sát, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang.		2026 - 2030
-	Tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của Trung ương về quản lý, khai thác và sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, nhất là hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch; hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế. Chủ động rà soát, hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện, tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư, quản lý, khai thác theo đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, phòng ngừa thất thoát, lãng phí.		2026 - 2030
2.3	Đối với ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống		
a)	Ngân sách nhà nước		
-	Đổi mới công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước theo hướng chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới; gắn chặt với cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Xác định rõ vai trò của ngân sách nhà nước trong dẫn dắt, hỗ trợ và kích hoạt các nguồn lực xã hội; bảo đảm phân công, phối hợp hài hòa giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong huy động, phân bổ,		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	sử dụng ngân sách tiết kiệm, đúng trọng tâm, trọng điểm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững của tỉnh An Giang.		
-	Tăng cường rà soát, tham mưu triển khai phù hợp các chính sách thuế mới theo quy định; mở rộng diện thu, bảo đảm nguồn thu ngân sách ổn định, bền vững, minh bạch. Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý thu, đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân thủ; đồng thời chú trọng nuôi dưỡng, khai thác hiệu quả các nguồn thu, tạo dư địa tài chính phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.		Hàng năm
-	Thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách theo quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, đồng thời tăng tính chủ động, tự chủ và trách nhiệm của ngân sách địa phương; giao nhiệm vụ chi cho cấp ngân sách thực hiện hiệu quả nhất.		Hàng năm
-	Phân bổ vốn đầu tư công tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các dự án hạ tầng thiết yếu, kết nối nội tỉnh và liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh An Giang. Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả sử dụng, giải ngân vốn đầu tư công.		Hàng năm
-	Hạn chế quy định cứng các mức chi ngân sách cho từng ngành, lĩnh vực (ngoại trừ những nội dung có quy định riêng của Trung ương), qua đó tạo dư địa linh hoạt trong điều hành, phân bổ nguồn lực ngân sách, bảo đảm sử dụng hiệu quả và đáp ứng kịp thời các ưu tiên phát triển theo từng thời kỳ của tỉnh.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Mở rộng, đa dạng hóa kênh huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định; bảo đảm quản lý vay nợ chặt chẽ, chỉ vay cho đầu tư phát triển và trong giới hạn khả năng trả nợ. Tăng cường quản lý, theo dõi nợ công gắn với công khai, minh bạch thông tin; xây dựng và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ trung hạn, kiểm soát rủi ro tài khóa, bố trí nguồn trả nợ đầy đủ, đúng hạn, phục vụ điều hành ngân sách an toàn, hiệu quả của tỉnh.		2026 - 2030
b)	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách		
-	Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định của Trung ương về quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch và phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh.		2026 - 2030
-	Tổ chức rà soát, cơ cấu lại hệ thống các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo hướng thu gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả; kiên quyết sáp nhập, giải thể các quỹ hoạt động trùng lặp, kém hiệu quả hoặc không còn phù hợp. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh số hóa và công khai thông tin hoạt động; từng bước thực hiện ủy thác quản lý quỹ cho các tổ chức tài chính, ngân hàng chuyên nghiệp, đồng thời mở rộng huy động nguồn lực xã hội, giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.		2026 - 2030
-	Kiên quyết không xem xét thành lập mới các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, cấp bách theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng.		Hàng năm
c)	Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống		

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Tổ chức chuyển giao phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh, đầu tư vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý tập trung theo quy định.		2026 - 2030
-	Nâng cao hiệu quả thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông qua tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn phù hợp; bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.		2026 - 2030
2.4	Đối với doanh nghiệp nhà nước		
a)	Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước thực sự là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội		
-	Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các doanh nghiệp nhà nước có năng lực, quy mô lớn, giữ vai trò nòng cốt trong các ngành, lĩnh vực quan trọng, chiến lược của nền kinh tế, phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của tỉnh An Giang.		2026 - 2030
-	Xây dựng và thực hiện các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhà nước có quy mô tương đối lớn trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao doanh nghiệp nhà nước theo ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp với quy mô, điều kiện và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh An Giang.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (vốn, quản trị, đầu tư, nhân sự cấp cao...)(nếu có), để doanh nghiệp nhà nước tham gia những lĩnh vực trọng yếu dẫn dắt doanh nghiệp tư nhân.		2026 - 2030
-	Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước tăng cường đầu tư, liên kết với các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị và doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm hình thành các nhóm doanh nghiệp tiên phong, có vai trò dẫn dắt; phát huy lợi thế tổng hợp, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, hạn chế chồng chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm hài hòa lợi ích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.		2026 - 2030
-	Phát huy vai trò nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước trong dẫn dắt, huy động nguồn lực xã hội, tạo hiệu ứng lan tỏa trong phát triển kinh tế.		Hàng năm
b)	Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững		
-	Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước tiên phong trong ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; từng bước nâng cao năng lực công nghệ, sức cạnh tranh bền vững; đồng thời phối hợp, hỗ trợ triển khai chuyển đổi số và đầu tư vào các hoạt động giảm phát thải, phát triển kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường.		Hàng năm
-	Đẩy mạnh ứng dụng các kết quả nghiên cứu, phát triển của doanh nghiệp nhà nước vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh; đồng thời khuyến khích chuyển giao, lan tỏa công nghệ phù hợp để hỗ trợ các doanh nghiệp khác cùng phát triển. Tinh nghiên cứu áp dụng cơ chế đặt hàng đối với các sản phẩm, giải pháp công nghệ do doanh nghiệp		Hàng năm

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	trong nước nghiên cứu, chế tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và tiếp tục hoàn thiện sản phẩm.		
-	Cho phép doanh nghiệp nhà nước chủ động sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đặt hàng, triển khai nghiên cứu theo cơ chế khoán sản phẩm; khuyến khích tham gia hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm và các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, mua bán – sáp nhập gắn với đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.		2026 - 2030
c)	Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp		
-	Rà soát, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp nhà nước theo hướng xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng vị trí quản lý; tăng cường giám sát, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước và đội ngũ quản lý, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện và đẩy mạnh phân công, phân cấp trong quản lý, điều hành.		2026 - 2030
-	Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích; kiên quyết xem xét thay thế, miễn nhiệm các cá nhân thiếu trách nhiệm, năng lực hạn chế, để xảy ra thất thoát, lãng phí, ảnh hưởng đến hiệu quả và sự phát triển của doanh nghiệp.		2026 - 2030
-	Thực hiện cơ chế tiền lương, thưởng phù hợp để thu hút, giữ chân nhân lực chất lượng cho doanh nghiệp nhà nước; cho phép doanh nghiệp cổ phần áp dụng cơ chế cổ phiếu thưởng bảo đảm công khai, minh bạch; nghiên cứu thí điểm cơ chế đặc thù trong tuyển dụng, thuê và bổ nhiệm người quản lý tại một số doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Rà soát, hoàn thiện phương thức đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo hướng toàn diện, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ được giao và việc sử dụng các nguồn lực nhà nước; áp dụng hệ thống chỉ tiêu tài chính và phi tài chính phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch. Thực hiện hạch toán riêng giữa hoạt động sản xuất, kinh doanh với các nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận.		2026 - 2030
-	Tập trung rà soát, xử lý kịp thời các dự án đầu tư kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài; xác định và xử lý rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; kiên quyết thực hiện tái cơ cấu hoặc phá sản theo pháp luật, không để kéo dài gây lãng phí, thất thoát vốn và tài sản nhà nước.		2026 - 2030
-	Rà soát, điều chỉnh mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu và mô hình Hội đồng thành viên theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn từng giai đoạn.		2026 - 2030
d)	Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước		
-	Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng tinh gọn, nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động, phát huy tốt vai trò trong giai đoạn mới; tạo điều kiện để các doanh nghiệp có năng lực mở rộng hợp tác, từng bước tham gia thị trường ngoài tỉnh và nước ngoài ở các lĩnh vực có lợi thế. Đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến và đổi ngoại kinh tế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng, tăng cường hợp tác chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
-	Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, huy động thêm nguồn lực từ các thành phần kinh tế để cải thiện quản trị, công nghệ và năng lực tài chính; đồng thời bảo đảm giữ vững quyền kiểm soát của Nhà nước đối với các lĩnh vực quan trọng, không làm thất thoát vốn, tài sản nhà nước và giữ gìn, phát huy giá trị các thương hiệu uy tín.		2026 - 2030
-	Đối với các doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ quyền chi phối, thực hiện sắp xếp theo lộ trình phù hợp; trong đó, ưu tiên phương án hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, nâng cao quy mô và hiệu quả, hoặc chuyển giao về đơn vị có chức năng đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước để rà soát, đánh giá, phân loại và cơ cấu lại vốn. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ pháp luật, tập trung vào những lĩnh vực Nhà nước cần tham gia và tiếp tục đầu tư, phát huy hiệu quả các thương hiệu uy tín.		2026 - 2030
2.5	Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước		
-	Hỗ trợ nâng cao chất lượng quản trị, quản lý rủi ro và minh bạch thông tin tại các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ, phát triển dịch vụ ngân hàng số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp địa phương tiếp cận vốn và dịch vụ tài chính.		2026 - 2030
2.6	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập		
-	Thực hiện rà soát, cơ cấu lại các dịch vụ sự nghiệp công và mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh giản đầu mối,		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	nâng cao hiệu quả hoạt động. Bố trí đầy đủ nguồn lực cho các dịch vụ công thiết yếu, giữ vững chất lượng phục vụ người dân; khuyến khích chuyển giao các dịch vụ có khả năng xã hội hoá sang cơ chế thị trường phù hợp.		
-	Nghiên cứu tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn theo hướng sử dụng ngân sách hiệu quả, chuyển dần từ hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sang hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng; từng bước thực hiện tính đủ chi phí đối với dịch vụ công thiết yếu gắn với kiểm soát phù hợp. Đơn giản hoá thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo lộ trình phù hợp khả năng chi trả của người dân và điều kiện cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch.		2026 - 2030
-	Tạo điều kiện để khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh hợp tác công tư trong các lĩnh vực có khả năng xã hội hoá, tập trung phối hợp về nguồn nhân lực, thương hiệu và ứng dụng công nghệ, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.		Hằng năm
-	Rà soát, ban hành cơ chế, chính sách để tổ chức lại một số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ.		2026 - 2030
-	Nghiên cứu, đề xuất mở rộng quyền tự chủ về tổ chức, nhân sự, tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, gắn với kết quả hoạt động theo hướng tiếp cận mô hình doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, ưu		2026 - 2030

STT	NHIỆM VỤ THỰC HIỆN	CƠ QUAN THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	tiên đầu tư, phát triển một số đơn vị sự nghiệp công lập có năng lực, lợi thế trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phù hợp.		
-	Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả, minh bạch hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; đổi mới quản trị, điều hành theo hướng hiện đại, gắn trách nhiệm với người đứng đầu. Nghiên cứu, đề xuất thí điểm thuê giám đốc điều hành, bố trí bộ phận tư vấn tại một số đơn vị quy mô lớn; không tổ chức Hội đồng quản lý, bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng theo quy định.		Hàng năm
-	Tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập chất lượng dịch vụ sự nghiệp công và công khai kết quả theo tiêu chuẩn, tiêu chí do cơ quan quản lý chuyên ngành ban hành; thực hiện xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia đánh giá chất lượng, hiệu quả và mức độ hài lòng đối với dịch vụ sự nghiệp công.		Hàng năm